**THÔNG BÁO**

**Kết quả xét chọn danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”**

**trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Giang lần thứ hai**

Căn cứ Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Quyết định số 3255/QĐ-BVHTTDL ngày 16/9/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ hai - năm 2018; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh) đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-SVHTTDL ngày 01/6/2017 về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Giang lần thứ hai - năm 2018.

 Sau khi tiến hành thẩm định và tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở đối với từng hồ sơ, Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Giang lần thứ hai đã tổ chức họp và bỏ phiếu xét chọn 03 hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”; 15 hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” để trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xem xét.

Để đảm bảo quy trình, thủ tục xét tặng đúng theo quy định của Nghị định số 62/2014/NĐ-CP, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng thông báo kết quả xét chọn danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Giang lần thứ hai để nhân dân biết và tham gia đóng góp ý kiến (thời gian lấy ý kiến là 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo).

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang, số 74, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang./.

**DANH SÁCH**

**Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”**

**trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể tỉnh Bắc Giang lần thứ Hai**

(*Kèm theo Công văn số: /SVHTTDL-QLDSVH ngày /11/2017 của Sở VHTTDL*)

**I. DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Địa chỉ** | **Năm sinh** | **Dân tộc** | **Loại hình di sản văn hoá** **phi vật thể nắm giữ** |
| 1 | Hoắc Công Chờ  | Thôn Trung Đồng, xã Vân Trung, huyện Việt Yên | 1936 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Quan họ) |
| 2 | Nguyễn Phú Hiệp  | Thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên | 1962 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Quan họ) |
| 3 | Nguyễn Bá Lam | Thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên | 1920 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Tuồng cổ) |

**II. DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Địa chỉ** | **Năm sinh** | **Dân tộc** | **Loại hình di sản văn hoá** **phi vật thể nắm giữ** |
| 1 | Trần Văn Ba | Thôn Chão Cũ, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn | 1949 | Sán Dìu | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Sán Dìu) |
| 2 | Triệu Thị Bình | Thôn Chợ, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động | 1960 | Dao | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Dao) |
| 3 | Ngô Văn Bội | Thôn Hồng Phúc, xã Song Vân, huyện Tân Yên | 1949 | Kinh | Tri thức dân gian (Làm và chơi diều sáo) |
| 4 | Bàn Văn Cường | Thôn Thanh Chung, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động | 1946 | Dao | Tiếng nói và chữ viết (Tiếng nói chữ viết dân tộc Dao) |
| 5 | Mạc Văn Đậu | Thôn Quán Cà, xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn | 1959 | Nùng | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Nùng) |
| 6 | Nguyễn Thị Bích Độ | Thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên | 1952 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Quan họ) |
| 7 | Đỗ Thị Khoa | Thôn Hoàng Mai 2, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên | 1942 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Hát Chèo) |
| 8 | Nguyễn Văn Kỳ | Thôn Đồi Gai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam | 1981 | Kinh | Tập quán xã hội và tín ngưỡng (Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt) |
| 9 | Nông Dũng Long | Thôn Phan, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế | 1942 | Nùng | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Nùng) |
| 10 | Dương Văn Sản | Thôn Tân Minh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên | 1954 | Kinh | Tập quán xã hội và tín ngưỡng (Trình diễn vật thờ) |
| 11 | Lâm Minh Sặp | Thôn Cống, xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn | 1955 | Sán Chí | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Dân ca Sán Chí) |
| 12 | Thân Mạnh Thẩm | Thôn Hoàng Mai 2, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên | 1941 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Đàn Nhị) |
| 13 | Dương Quang Tư | Thôn Ngọc Thành 1, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa | 1939 | Kinh | Tập quán xã hội và tín ngưỡng (Trình diễn vật thờ) |
| 14 | Phạm Tiến Tuấn | Thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên | 1960 | Kinh | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Tuồng cổ) |
| 15 | Chu Thị Hồng Vân | Thôn Hố Cao, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | 1968 | Nùng | Nghệ thuật trình diễn dân gian (Nghi lễ Then) |